

Số: 23/2020/QĐST-DS

Thuỷ Nguyên, ngày 08 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q ; địa chỉ trụ sở: phường H , quận H , thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn K – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Giấy ủy quyền số 314/2019/UQ-NCB ngày 27 tháng 8 năm 2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H ; địa chỉ: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân B là bà Trần Thị H ; địa chỉ: Thôn A, xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T , thành phố Hải Phòng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L ; địa chỉ: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng.

- Ông Trần Văn T và Trần Thị C ; địa chỉ: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị L ; địa chỉ: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng.

- Anh Trần Văn N và chị Bùi Thị N ; địa chỉ: Thôn A , xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H , bà Nguyễn Thị L , ông Trần Văn T , bà Trần Thị C , bà Nguyễn Thị L , anh Trần Văn N , chị Bùi Thị N là bà Trần Thị H ; địa chỉ: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng (Giấy ủy quyền tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T , thành phố Hải Phòng).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q toàn bộ khoản nợ tính đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2020:

Hợp đồng số 028/09.105116/HĐTD-TDH ngày 18 tháng 6 năm 2009 số tiền nợ là 290.379.433 đồng; trong đó: số tiền nợ gốc là 117.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 10.788.721 đồng; lãi suất quá hạn là: 162.590.712 đồng.

Hợp đồng số 001/12/HĐHM/105-53 ngày 28 tháng 6 năm 2012 số tiền nợ là: 1.399.683.429 đồng; trong đó: số tiền nợ gốc là 571.522.461 đồng; nợ lãi trong hạn là 70.521.667 đồng; lãi suất quá hạn là: 757.639.301 đồng.

Tổng số tiền ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H phải trả là: 1.690.062.862 (Một tỉ sáu trăm chín mươi triệu không trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm sáu mươi hai) đồng; trong đó nợ gốc: 688.522.461 (Sáu trăm tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi một) đồng; lãi trong hạn là 81.310.388 (Tám mươi một triệu ba trăm mười nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng; lãi suất quá hạn là: 920.230.013 (Chín trăm hai mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm mười ba) đồng.

2.2. Phương án trả nợ như sau:

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020 đến hết ngày 28 tháng 11 năm 2020 ông B và bà H trả hết số tiền nợ là 1.690.062.862 đồng; trong đó nợ gốc: 688.522.461 đồng; nợ lãi trong hạn là 81.310.388 đồng; lãi suất quá hạn là: 920.230.013 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q .

Ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi tính trên số nợ gốc kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ nào đã nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền

yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số thửa 1245, tờ bản đồ số 01, diện tích 181,0 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn A , xã A, huyện T , thành phố Hải Phòng có trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 123561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00106 ngày 24/12/2010; người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: Ông Nguyễn Xuân B vợ là Trần Thị H ; có các mốc như sau: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-1 có trên sơ đồ kèm theo quyết định.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số thửa 1234A, tờ bản đồ số 01, diện tích 71,2 m² ; địa chỉ thửa đất: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng có trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 120291, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH/00085 ngày 17/11/2010, người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất: Ông Nguyễn Văn H vợ là Trần Thị L ; có các mốc như sau: 1-2-3-4-5-6-1 có trên sơ đồ kèm theo quyết định.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số thửa 147A, tờ bản đồ số 02, diện tích 206,3 m²; địa chỉ thửa đất: Thôn A , xã A , huyện T , thành phố Hải Phòng có trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 286039, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H/01676 ngày 31/12/2007, tên người sử dụng đất: Ông Trần Văn T vợ là Trần Thị C ; có các mốc như sau: 1-2-3-4-5-6-7-8-1 có trên sơ đồ kèm theo quyết định.

Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm, nếu tài sản bảo đảm sau khi thanh toán hết các nghĩa vụ nếu còn thừa sẽ hoàn trả lại cho ông B , bà H , ông T , bà C , ông H , bà L ; nếu thiếu thì ông B và bà H tiếp tục thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q . Việc hoàn trả lại theo tỷ lệ giá trị tài sản bảo đảm cho khoản nợ.

2.4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị H nhận nộp cả số tiền án phí sơ thẩm là 31.350.900 (Ba mươi một triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm) đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí 31.730.000 (Ba mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0000670 ngày 03 tháng 3 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Lý